



tiào bǎn

跳板

noun · springboard; stepping stone

Example Sentences

tiào shuǐ yùn dòng yuán zài tiào bǎn shàng zhǔn bèi qǐ tiào
跳水运动员在跳板上准备起跳。

The diver is preparing to jump on the springboard.

zhè fèn gōng zuò zhǐ shì tā shì yè de tiào bǎn
这份工作只是他事业的跳板。

This job is just a stepping stone for his career.

Trace each character, then write the word on your own.

跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳
跳	跳	跳	跳	跳						
板	板	板	板	板	板	板	板	板	板	板